UBND XÃ ĐẠI XUYÊN **TRẠM Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 135 /QĐ-TYT	*Đại Xuyên, ngày 2 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc mua bổ sung của Trạm Y tế xã Đại Xuyên

GIÁM ĐỐC TRẠM Y TẾ XÃ ĐẠI XUYÊN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội; Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, Luật thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2024/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Tổ xây dựng Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Tờ trình số 02/TTr-TXDKH ngày 01/10/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc mua bổ sung của Trạm Y tế xã Đại Xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc mua bổ sung của Trạm Y tế xã Đại Xuyên với các nội dung chi tiết như sau:

1. Nội dung chi tiết Kế hoạch lựa chọn nhà thầu *(Phụ lục 1)*.

2. Danh mục thuốc chi tiết *(Phụ lục 2)*.

Điều 2. Giao Khoa Dược, TBYT, CLS; phòng Hành chính, tài chính, nhân sự và các Khoa phòng có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Các ông (bà) phụ trách Khoa Dược, TBYT, CLS, phòng Hành chính, tài chính, nhân sự và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Khoa Dược,TBYT,CLS(UYÊN).

GIÁM ĐỐC

U.B.N.D XÃ ĐẠI XUYÊN T.P HÀ NỘI
TRẠM Y TẾ

Phan Thị Thanh Hà

PHỤ LỤC I. KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
CUNG CẤP THUỐC MUA BỔ SUNG CỦA TRẠM Y TẾ XÃ ĐẠI XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số: 135 /QĐ-TYT ngày 2/10/2026 của Trạm Y tế xã Đại Xuyên)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Trạm Y tế xã Đại Xuyên	Gói thầu: Mua thuốc bổ sung phục vụ công tác khám chữa bệnh	Mua 24 mặt hàng thuốc phục vụ công tác khám chữa bệnh	1.132.159.000	Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.	Chào giá trực tuyến rút gọn, xét theo từng phần của gói thầu	Một giai đoạn một túi hồ sơ	30 ngày	Tháng 10/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	365 ngày	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**1.132.159.000**									

PHỤ LỤC II:

DANH MỤC GÓI THẦU: MUA THUỐC PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU CUNG CẤP THUỐC MUA BỔ SUNG CỦA TRẠM Y TẾ XÃ ĐẠI XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số:135/QĐ-TYT ngày 2 /10/2026 của Trạm Y tế xã Đại Xuyên)

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	G01	Diclofenac	N4	0,2g/20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	500	7.300	3.650.000
2	G02	Promethazin hydroclorid	N4	2%/10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	500	6.600	3.300.000
3	G03	Amoxicilin + acid clavulanic	N2	250mg + 31,25mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	10.000	5.500	55.000.000
4	G04	Tobramycin	N4	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	2.000	2.900	5.800.000
5	G05	Ofloxacin	N4	0,3%/6ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	1.000	9.500	9.500.000
6	G06	Aciclovir	N4	5%/5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	500	3.148	1.574.000
7	G07	Captopril + hydroclorothiazid	N4	25mg + 25mg	Uống	Viên	Viên	50.000	1.490	74.500.000
8	G08	Enalapril + hydrochlorothiazid	N2	10mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	60.000	3.450	207.000.000
9	G09	Lisinopril	N1	20mg	Uống	Viên	Viên	40.000	3.550	142.000.000
10	G10	Perindopril	N2	4mg (dạng muối)	Uống	Viên	Viên	50.000	800	40.000.000
11	G11	Lovastatin	N1	20mg	Uống	Viên	Viên	50.000	3.500	175.000.000
12	G12	Salicylic acid + betamethason dipropionat	N4	(30mg + 0,64mg)/g x 10g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	2.000	12.000	24.000.000

13	G13	Bacillus subtilis	N4	10^7-10^8 CFU/250mg	Uống	Viên nang	Viên	30.000	1.500	45.000.000
14	G14	Bacillus subtilis	N4	10^7-10^8 CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	40.000	2.000	80.000.000
15	G15	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine, Detemir, Degludec)	N5	100UI/ml x 3ml	Tiêm	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Bút tiêm	150	220.000	33.000.000
16	G16	Insulin người trộn, hỗn hợp (30/70)	N1	100IU/ml x 10ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	400	115.000	46.000.000
17	G17	Natri clorid	N4	0,9%/10ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	2.000	1.390	2.780.000
18	G18	Clorpromazin	N4	25mg	Uống	Viên	Viên	300.000	120	36.000.000
19	G19	Codein + terpin hydrat	N4	15mg + 100mg	Uống	Viên	Viên	50.000	945	47.250.000
20	G20	Vitamin B12	N4	1000mcg/1ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Lọ/ống	3.000	635	1.905.000
21	G21	Actiso, Rau đắng đất, Bìm bìm	N1		Uống	Viên	Viên	50.000	650	32.500.000
22	G22	Sinh địa, Mạch môn, Huyền sâm, Bối mẫu, Bạch thược, Mẫu đơn bì, Cam thảo	N3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai ≥100ml	1.500	21.000	31.500.000
23	G23	Đinh lăng, Bạch quả	N3		Uống	Viên	Viên	150.000	198	29.700.000
24	G24	Kim tiền thảo, Râu ngô	N3		Uống	Viên	Viên	20.000	260	5.200.000
	Tổng cộng: 24 khoản									**1.132.159.000**